

Số: 1473/QĐ-ĐHFPT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc mở ngành đào tạo hệ chính quy, trình độ đại học Ngành Luật

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT

Căn cứ Quyết định số 208/2006/QĐ-TTg ngày 8/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học FPT;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học ban hành ngày 30/12/2019;

Căn cứ Quyết định số 1177/QĐ-ĐHFPT ngày 09/11/2023 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học FPT về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Đại học FPT;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo quy định về chuẩn Chương trình đào tạo; Xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo quy định về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quy định 1291/QĐ-ĐHFPT ngày 22/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học FPT về Quy trình thủ tục mở ngành và tổ chức xây dựng phát triển CTĐT trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-KĐCLGDSG ngày 10/7/2024 của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn công nhận và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho trường Đại học FPT;

Căn cứ Quyết định 1361/QĐ-ĐHFPT ngày 05/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học FPT về chủ trương mở ngành Luật hệ đại học chính quy;

Căn cứ vào Biên bản họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc thẩm định Đề án ngành Luật ngày 28/12/2024;



Theo hồ sơ mở ngành và đề nghị của Trường Ban Nghiên cứu và phát triển.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mở ngành Luật, mã số 7380101, trình độ đại học thuộc hệ đào tạo chính quy để triển khai tại Trường Đại học FPT.

Điều 2. Chỉ tiêu tuyển sinh của ngành Luật nằm trong tổng chỉ tiêu hệ chính quy của Trường. Việc tuyển sinh, tổ chức quá trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập và cấp văn bằng được thực hiện theo đúng quy định hiện hành về đào tạo chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các ông/bà Giám đốc, Trường Ban Tuyển sinh, Trường ban Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức và Quản lý đào tạo, Trưởng phòng Khảo thí, Chủ nhiệm Bộ môn của các Phân hiệu Đại học FPT, Trưởng phòng PTCTĐH và các phòng ban, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm phổ biến và thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu VT, PTCTĐH.



Nguyễn Khắc Thành

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT**



TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT

**NỘI DUNG CƠ BẢN ĐỀ ÁN
MỞ NGÀNH LUẬT
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Mã ngành đào tạo: 7380101

Hà Nội, tháng 12/2024

MỤC LỤC

I. Chương trình đào tạo ngành Luật	3
1. Mục tiêu của chương trình.....	3
2. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	4
3. Chuẩn đầu ra.....	4
4. Khối lượng kiến thức toàn khóa	6
5. Đối tượng tuyển sinh.....	6
6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	6
7. Cách thức đánh giá	6
8. Danh sách các học phần trong chương trình đào tạo	7
9. Kế hoạch triển khai chương trình đào tạo theo kỳ	15
II. Danh sách đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Luật	23
III. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; dự kiến kế hoạch tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh	31
1. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	31
2. Dự kiến kế hoạch tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh	34
IV. Địa điểm đào tạo và danh sách các địa điểm thực hành, thực tập	34
1. Địa điểm đào tạo	34
2. Danh sách dự kiến các địa điểm thực hành/thực tập	35

NỘI DUNG CƠ BẢN ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH LUẬT

I. Chương trình đào tạo ngành Luật

Tên chương trình:	Cử nhân Luật
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Luật
Mã ngành đào tạo:	7380101

1. Mục tiêu của chương trình

Mục tiêu chung:

Chương trình Cử nhân Luật (BLA) trang bị cho người học kiến thức chuyên môn toàn diện về khoa học pháp lý, trang bị kiến thức lựa chọn theo một trong hai định hướng: Luật Kinh tế (BLA_EL) hoặc Luật Thương mại quốc tế (BLA_IC). Chương trình giúp người học phát triển các kỹ năng nghề nghiệp như lập luận, phân tích và tranh tụng pháp lý, đồng thời rèn luyện kỹ năng mềm, bao gồm giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng ngoại ngữ trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Mục tiêu của chương trình là xây dựng phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và năng lực ứng dụng công nghệ pháp lý nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong lĩnh vực pháp lý cũng như trong nghiên cứu, xây dựng và thực thi pháp luật tại các cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế. Chương trình cũng khuyến khích khả năng tự học suốt đời và đảm bảo tính liên thông để người học có thể tiếp tục phát triển ở các bậc học cao hơn.

Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức

PO1: Giúp người học phát triển về thể chất, tinh thần, trí tuệ, nhân sinh quan, lòng tự hào dân tộc thông qua việc trang bị cho người học những kiến thức tổng quát về lý luận chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, giáo dục thể chất, âm nhạc, giáo dục quốc phòng.

PO2: Giúp người học nắm vững kiến thức lý luận và thực tiễn về Nhà nước và pháp luật, kiến thức pháp lý từ cơ bản đến chuyên sâu trong một số lĩnh vực pháp luật, từ đó hình thành và phát triển tư duy pháp lý mang tính hệ thống để có thể giải quyết những vấn đề pháp lý phát sinh từ thực tiễn.

Về kỹ năng

PO3: Giúp người học sử dụng thành thạo tiếng Anh và một ngoại ngữ hai ở mức cơ bản.

PO4: Giúp người học phát triển tư duy đổi mới, sáng tạo và kỹ năng khởi nghiệp, nghiên cứu, giải quyết vấn đề, giao tiếp, phản biện; có khả năng áp dụng công nghệ và AI để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chuyên môn.

PO5: Giúp người học đạt được các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để áp dụng các quy định pháp luật và giải quyết các vấn đề pháp lý.

Về năng lực tự chủ trách nhiệm

PO6: Giúp người học có thái độ đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, tôn trọng pháp luật, có trách nhiệm cộng đồng, khả năng làm việc nhóm và độc lập, học tập suốt đời, tự định hướng, dẫn dắt và quản lý, lập kế hoạch, đánh giá, và đưa ra kết luận chuyên môn.

2. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật trường Đại học FPT có thể làm việc tại các doanh nghiệp có hoạt động liên quan tới kinh doanh, thương mại quốc tế, tại các cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thương mại, đầu tư, cơ quan tư pháp và làm luật sư tại các công ty luật hoặc công ty tư vấn cũng như tại các tổ chức quốc tế. Cử nhân tốt nghiệp ngành này có nhiều thuận lợi khi làm việc tại các hiệp hội ngành nghề, các loại hình công ty trong và ngoài nước hoặc có thể công tác tại các cơ sở giáo dục và các Viện Nghiên cứu pháp luật.

3. Chuẩn đầu ra

Kiến thức:

PLO1: Có hiểu biết về khoa học xã hội, chính trị pháp luật, an ninh quốc phòng, góp phần hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học.

PLO2: Nắm vững kiến thức cơ sở cốt lõi của ngành luật, từ đó có khả năng phân tích các vấn đề pháp lý và đề xuất các giải pháp triển khai phù hợp.

PLO3: Nắm vững các kiến thức về pháp luật Kinh tế bao gồm các quy định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư và bảo vệ quyền lợi các bên liên quan trong các giao dịch thương mại và kinh tế, hoặc pháp luật về Thương mại quốc tế bao gồm các chính sách và các hiệp định thương mại quốc tế, các quy định về giao dịch kinh doanh quốc tế.

PLO4: Có khả năng lập kế hoạch, quản lý, điều phối và theo dõi các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực pháp lý, đảm bảo hiệu quả công việc và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Kĩ năng:

PLO5: Sử dụng tốt tiếng Anh và sử dụng tiếng Trung ở mức giao tiếp cơ bản. Đạt trình độ tiếng Anh trung cấp (tương đương bậc 4) và trình độ tiếng Trung sơ cấp (tương đương bậc 2) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

PLO6: Phát triển tư duy đổi mới, sáng tạo và kỹ năng khởi nghiệp, nghiên cứu, giải quyết vấn đề, giao tiếp, phản biện; sử dụng công nghệ và AI để phân tích và xử lý dữ liệu pháp lý hướng tới tự động hóa công việc.

PLO7: Phát triển các kỹ năng nghiên cứu và phân tích pháp lý, xác định vấn đề pháp lý, lập luận và đánh giá, từ đó áp dụng các quy định pháp luật để giải quyết được các vấn đề pháp lý.

PLO8: Phát triển kỹ năng phân tích và áp dụng các quy định chuyên sâu trong pháp luật kinh tế hoặc pháp luật thương mại quốc tế để giải quyết tranh chấp, tham gia đàm phán và cung cấp tư vấn hiệu quả.

Năng lực tự chủ trách nhiệm

PLO9: Thể hiện rõ khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và khả năng học tập suốt đời. Có thể tự định hướng, quản lý, điều hành hướng dẫn và đánh giá các hoạt động chuyên môn.

PLO10: Cư xử chuyên nghiệp, có đạo đức, có trách nhiệm xã hội, có tinh thần phục vụ cộng đồng và tinh thần thượng tôn pháp luật.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

139 tín chỉ, chưa kể chương trình Định hướng và Rèn luyện tập trung, Tiếng Anh chuẩn bị và Giáo dục thể chất. Thời gian học từ 3-4 năm tùy theo trình độ tiếng Anh đầu vào của người học.

ST T	Nội dung	Thời gian	Tín chỉ	Ghi chú
1	Chương trình Định hướng và Rèn luyện tập trung	5 tuần	0	Chứng chỉ GDQP
2	Chương trình Tiếng Anh chuẩn bị	0-1 năm	0	Chứng chỉ
3	Chương trình Giáo dục thể chất	xen kẽ	6	Chứng chỉ
4	Chương trình chuyên môn, gồm cả đào tạo trong môi trường thực tế (OJT)	9 HK	139	
4.1	<i>Kiến thức kỹ năng chung</i>	<i>12 Học phần</i>	<i>32</i>	
4.2	<i>Kiến thức kỹ năng ngành và thực tập</i>	<i>22 Học phần</i>	<i>70</i>	
4.3	<i>Kiến thức kỹ năng lựa chọn</i>	<i>9 Học phần</i>	<i>27</i>	
4.4	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	<i>1 Học phần</i>	<i>10</i>	

5. Đối tượng tuyển sinh

- Theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Theo quy chế tuyển sinh của Trường Đại học FPT.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Thực hiện theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Theo quy chế đào tạo của Trường Đại học FPT.

7. Cách thức đánh giá

Theo quy định về kiểm tra và đánh giá học phần trong quy chế đào tạo của Trường Đại học FPT.

8. Danh sách các học phần trong chương trình đào tạo

8.1 Chương trình Định hướng và Rèn luyện tập trung

Mã học phần	Tên Học phần	Cấu trúc	Nội dung	Thời gian
OTP101	Định hướng và Rèn luyện tập trung_ Orientation and General Training Program	Phần 1: Định hướng_ Orientation	Thực hiện theo chương trình của Trường Đại học FPT	40h (tương đương 1 tuần)
		Phần 2: Giáo dục quốc phòng_ Military training	Thực hiện theo chương trình quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo	165h
		Phần 3: Chương trình trải nghiệm_ Experience	Thực hiện theo chương trình của Trường Đại học FPT	75h

8.2 Chương trình Tiếng Anh chuẩn bị

<i>Chọn 6 học phần thuộc một combo trong 2 combo sau đây¹:</i>		
Lựa chọn 1: ENG Preparation_FPTU		
Mã môn	Tên môn	Thời lượng
ENT001	English 1 (Topnotch Fundamental) _Tiếng Anh 1	105 giờ học trên lớp
ENT104	English 2 (Top Notch 1) _Tiếng Anh 2	105 giờ học trên lớp
ENT203	English 3 (Top Notch 2) _Tiếng Anh 3	105 giờ học trên lớp
ENT303	English 4 (Top Notch 3) _Tiếng Anh 4	105 giờ học trên lớp

¹ Cơ sở đào tạo chọn 6 học phần thuộc một combo trong 2 combo để triển khai.

ENT403	English 5 (Summit 1) _Tiếng Anh 5	105 giờ học trên lớp
ENT503	English 6 (Summit 2) _Tiếng Anh 6	105 giờ học trên lớp

Lựa chọn 2: ENG Preparation_Little UK_FPTU		
Mã môn	Tên môn	Thời lượng
LUK1	Little UK level 1	87.5 giờ học trên lớp
LUK2	Little UK level 2	87.5 giờ học trên lớp
LUK3	Little UK level 3	87.5 giờ học trên lớp
LUK4/TR S401/TR S403	Tiếng Anh 4_Little UK level 4/ English 4 (University success)_ Tiếng Anh 4/ English 4 (Speak Your Mind level 3)	105 giờ học trên lớp
LUK5/TR S501	Tiếng Anh 5_Little UK level 5/ English 5 (University success)	105 giờ học trên lớp
LUK6/TR S601	Tiếng Anh 6_Little UK level 6/ English 6 (University success)	105 giờ học trên lớp

8.3 Chương trình Giáo dục thể chất

<i>Chọn 3 học phần thuộc cùng 1 combo trong 2 combo sau đây²:</i>					
PHE_COM1: Vovinam			PHE_COM2: Cờ Vua		
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
VOV114	Vovinam 1	2	COV111	Cờ Vua 1	2
VOV124	Vovinam 2	2	COV121	Cờ Vua 2	2

² Sinh viên chọn 3 học phần thuộc cùng 1 combo trong 2 combo để học (Tùy thuộc vào tình trạng sức khỏe).

Chọn 3 học phần thuộc cùng 1 combo trong 2 combo sau đây ² :					
PHE_COM1: Vovinam			PHE_COM2: Cờ Vua		
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
VOV134	Vovinam 3	2	COV131	Cờ Vua 3	2

8.4 Chương trình chuyên môn ngành Luật

Ghi chú: Mã, tên một số học phần và mapping có thể thay đổi

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Điều kiện tiên quyết dự kiến
I - KIẾN THỨC KỸ NĂNG CHUNG_GENERAL KNOWLEDGE AND SKILLS				
1	SSL101c	Kỹ năng học tập đại học_Academic Skills for University_Success	3	
2	SSG104	Kĩ năng giao tiếp và cộng tác_Communication and In-Group Working Skills	3	
3	CHN113	Hán ngữ sơ cấp 1_Elementary Chinese 1	3	
4	CHN123	Hán ngữ sơ cấp 2_Elementary Chinese 2	3	CHN113
5	EXE101	Trải nghiệm khởi nghiệp 1_Entrepreneurship 1	3	
6	EXE201	Trải nghiệm khởi nghiệp 2_Experiential Entrepreneurship 2	3	EXE201
7	MLN111	Triết học Mác - Lê-nin_Philosophy of Marxism – Leninism_	3	
8	MLN122	Kinh tế chính trị Mác_Lê-nin_Political economics of Marxism – Leninism	2	
9	MLN131	Chủ nghĩa xã hội khoa học_Scientific socialism	2	MLN111, MLN122

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Điều kiện tiên quyết dự kiến
10	HCM202	Tư tưởng Hồ Chí Minh_ Ho Chi Minh Ideology	2	MLN111, MLN122
11	VNR202	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_ History of the Communist Party of Vietnam	2	MLN111, MLN122
12	TMI_ELE	Nhạc cụ truyền thống_ Traditional musical instrument	3	
	<i>Chọn 1 trong 7 học phần sau đây³:</i>			
	DTR103	Đàn Tranh_ Traditional musical instrument	3	
	DBA103	Đàn Bầu_ Traditional musical instrument	3	
	DNG103	Đàn Nguyệt_ Traditional musical instrument	3	
	DNH103	Đàn Nhị_ Traditional musical instrument	3	
	DSA103	Sáo trúc_ Traditional musical instrument	3	
	DTB103	Đàn Tỳ bà_ Traditional musical instrument	3	
	TRG103	Trống dân tộc_ Traditional musical instrument	3	
II - KIẾN THỨC KỸ NĂNG NGÀNH MAJOR KNOWLEDGE AND SKILLS				
1	TSL101	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật_ The theory of State and Law	4	
2	HSL101	Lịch sử nhà nước và pháp luật_ History of State and Law	2	
3	COL201	Luật Hiến pháp_ Constitutional Law	3	

³ Sinh viên chọn 1 trong 7 học phần để học.

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Điều kiện tiên quyết dự kiến
4	APL201	Luật hành chính và Luật tố tụng hành chính _Administrative Law and Administrative Procedure Law	3	
5	CRL201	Luật hình sự (phần chung)_Criminal Law (General Part)	3	TSL101
6	CRL301	Luật hình sự (phần tội phạm)_Criminal Law (Special Part)	3	CRL201
7	CRP301	Luật tố tụng hình sự _Criminal Procedure Law	3	CRL301
8	CIL201	Luật dân sự 1 _Civil Law 1	3	TSL101
9	CIL301	Luật dân sự 2 _Civil Law 2	3	CIL201
10	CPL301	Luật tố tụng dân sự _Civil Procedure Law	3	CIL201
11	MFL201	Luật hôn nhân và gia đình _Law on Family and Marriage	3	CIL201
12	CML201	Luật thương mại _Commercial Law	3	CIL201
13	FTL201	Luật tài chính và thuế _Financial and Tax Law	3	CML201
14	LBL201	Luật lao động _Labour Law	3	TSL101
15	LAL201	Luật đất đai _Land Law	3	APL201
16	PIL201	Công pháp quốc tế _Public International Law	3	COL201
17	PRL201	Tư pháp quốc tế _Private International Law	3	CIL201
18	ACL201	Pháp luật cộng đồng ASEAN _The Law of ASEAN Community	2	PIL201

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Điều kiện tiên quyết dự kiến
19	LCE201	Định hướng các nghề luật và đạo đức nghề luật _Legal Career Orientation and Legal Ethics	2	
20	LDC201	Soạn thảo, xây dựng văn bản pháp lý và hợp đồng_ Formulating Legal documents and Contract	2	
21	RWS301	Phương pháp nghiên cứu và kỹ năng viết pháp lý _Legal Research Methods and Writing Skills	3	
22	OLT202	Đào tạo trong môi trường thực tế _On-the-job Training	10	Hoàn thành 90% tổng số tín chỉ trước kỳ thực tập
III - KIẾN THỨC KỸ NĂNG LỰA CHỌN _ELECTIVE KNOWLEDGE AND SKILLS				
a. Chuyên ngành Luật Kinh tế (BLA_EL)				
1	COR201	Luật doanh nghiệp _Corporate Law	3	CML201
2	BCL301	Luật ngân hàng và các tổ chức tín dụng _Banking and Credit Institutions Law	3	CML201
3	IPL301	Luật sở hữu trí tuệ _Intellectual Property Law	3	CIL201
4	IBL301	Luật kinh doanh bảo hiểm _Insurance Business Law	3	CML201
5	IVL301	Luật đầu tư _Investment Law	3	FTL201
6	SEL301	Luật chứng khoán _Securities Law	3	CIL301, CML201
	Danh sách combo lựa chọn của BLA_EL			
	Combo 1: Kinh tế số (Chọn 3 trong 4 môn)			

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Điều kiện tiên quyết dự kiến
1	ECL301	Luật thương mại điện tử_E-Commerce Law	3	CML201
2	CCL301	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng_Competition Law and Consumer Protection Law	3	CML201
3	DNL301	Giải quyết tranh chấp, đàm phán, tranh tụng_Dispute Resolution, Negotiation, and Litigation	3	CPL301, CML201, COL201
4	MAL301	Pháp luật về mua bán và sáp nhập_Law on Mergers and Acquisitions	3	CML201
Combo 2: Luật thương mại quốc tế (Chọn 3 trong 4 môn)				
1	ITL301	Luật thương mại quốc tế_International Trade Law	3	CML201
2	TRR301	Các biện pháp phòng vệ thương mại_Trade Remedies	3	BLA_EL: CML201 BLA_IC: DIT301
3	IPR301	Các nguyên tắc trong thanh toán quốc tế_Regulations on International Payments	3	BLA_EL: CML201 BLA_IC: LIF301
4	LIF301	Quy định về logistics và vận tải quốc tế_Regulations on Logistics and International Freight Forwarding	3	BLA_EL: CML201 BLA_IC: ITL301
Danh sách combo lựa chọn của BLA_IC				
Combo 1: Hoạch định & chính sách trong TMQT (Chọn 3 trong 4 môn)				
1	ITR301	Các biện pháp đảm bảo công bằng trong thương mại quốc tế_Trade Remedies in International Trade	3	ITL301
	NFT301	Các hiệp định thương mại tự do_Free Trade Agreements	3	PIL201

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Điều kiện tiên quyết dự kiến
	NCI301	Quy định điều chỉnh các vấn đề phi thương mại trong thương mại quốc tế_Regulations on Non-commercial Issues in International Trade	3	ITL301
	IML301	Luật hàng hải và hàng không dân dụng quốc tế International Maritime and Aviation Law	3	PIL201
2	Combo 2: Giao dịch và tư vấn các hoạt động kinh doanh quốc tế (Chọn 3 trong 4 môn)			
	ITS301	Pháp luật quốc tế về thương mại dịch vụ_International Law on Trade in Services	3	ITL301
	IPR301	Các nguyên tắc trong thanh toán quốc tế_Regulations on International Payments	3	BLA_EL: CML201 BLA_IC: IF301
	ICA301	Luật trọng tài thương mại quốc tế_International Commercial Arbitration Law	3	DIT301
	TRR301	Các biện pháp phòng vệ thương mại_Trade Remedies	3	BLA_EL: CML201 BLA_IC: DIT301
IV. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP				
1	BLA_GRA	Graduation Thesis Electives	10	
	GRL490	Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật_Law Graduation Thesis		Hoàn thành 80% tổng số tín chỉ
	EXE401	Dự án khởi nghiệp tốt nghiệp_Graduation Thesis Startup Project		EXE201; OLT201; Hoàn thành 80% tổng số tín chỉ

9. Kế hoạch triển khai chương trình đào tạo theo kỳ

TT	BLA_EL				BLA_IC			
	Mã HP	Tên HP	ĐKTQ	Tín chỉ	Mã HP	Tên HP	ĐKTQ	Tín chỉ
HK0	OTP101	Định hướng và Rèn luyện tập trung_Orientation and General Training Program			OTP101	Định hướng và Rèn luyện tập trung_Orientation and General Training Program		
	PHE_CO M*1	Giáo dục thể chất 1_Physical Education1		2	PHE_COM* 1	Giáo dục thể chất 1_Physical Education1		2
	PEN	Tiếng Anh chuẩn bị_Preparation English			PEN	Tiếng Anh chuẩn bị_Preparation English		
	TMI_ELE	Nhạc cụ truyền thống_Traditional musical instrument		3	TMI_ELE	Nhạc cụ truyền thống_Traditional musical instrument		3
HK1	SSL101c	Kỹ năng học tập đại học_Academic Skills for University Success		3	SSL101c	Kỹ năng học tập đại học_Academic Skills for University Success		3
	TSL101	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật_Theories of State and Law		4	TSL101	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật_Theories of of State and Law		3
	HSL101	Lịch sử nhà nước và pháp luật_History of State and Law		2	HSL101	Lịch sử nhà nước và pháp luật_History of State and Law		2

	COL201	Luật Hiến pháp_Constitutional Law		3	COL201	Luật Hiến pháp_Constitutional Law		3
	CHN113	Hán ngữ sơ cấp 1_Elementary Chinese 1		3	CHN113	Hán ngữ sơ cấp 1_Elementary Chinese 1		3
	PHE_COM*2	Giáo dục thể chất 2_Physical Education 2	PHE_COM*1	2	PHE_COM*2	Giáo dục thể chất 2_Physical Education 2	PHE_COM*1	2
HK2	CHN123	Hán ngữ sơ cấp 2_Elementary Chinese 2	CHN113	3	CHN123	Hán ngữ sơ cấp 2_Elementary Chinese 2	CHN113	3
	APL201	Luật hành chính và Luật tổ tụng hành chính_Administrative Law and Administrative Procedure Law		3	APL201	Luật hành chính và Luật tổ tụng hành chính_Administrative Law and Administrative Procedure Law		3
	CIL201	Luật dân sự 1_Civil Law 1	TSL101	3	CIL201	Luật dân sự 1_Civil Law 2	TSL101	3
	CRL201	Luật hình sự (Phần chung)_Criminal Law(General Part)	TSL101	3	CRL201	Luật hình sự (Phần chung)_Criminal Law(General Part)	TSL101	3
	LBL201	Luật lao động_Labour Law	TSL101	3	LBL201	Luật lao động_Labour Law	TSL101	3
	PHE_COM*3	Giáo dục thể chất 3_Physical Education 3	PHE_COM*2	2	PHE_COM*3	Giáo dục thể chất 3_Physical Education 3	PHE_COM*2	2

HK3	CIL301	Luật dân sự 2_Civil Law 2	CIL201	3	CIL301	Luật dân sự 2_Civil Law 2	CIL201	3
	CRL301	Luật hình sự (phần tội phạm)_Criminal Law (Special Part)	CRL201	3	CRL301	Luật hình sự (phần tội phạm)_Criminal Law (Special Part)	CRL201	3
	SSG104	Kỹ năng giao tiếp và cộng tác_Communication and In-Group Working Skills		3	SSG104	Kỹ năng giao tiếp và cộng tác_Communication and In-Group Working Skills		3
	CML201	Luật thương mại_Commercial Law	CIL201	3	CML201	Luật thương mại_Commercial Law	CIL201	3
	PIL201	Công pháp quốc tế_Public International Law	COL201	3	PIL201	Công pháp quốc tế_Public International Law	COL201	3
HK4	CPL301	Luật tố tụng dân sự_Civil Procedure Law	CIL201	3	CPL301	Luật tố tụng dân sự_Civil Procedure Law	CIL201	3
	PRL201	Tư pháp quốc tế_Private International Law	CIL201	3	PRL201	Tư pháp quốc tế_Private International Law	CIL201	3
	CRP301	Luật tố tụng hình sự_Criminal Procedure Law	CRL301	3	CRP301	Luật tố tụng hình sự_Criminal Procedure Law	CRL301	3
	LAL201	Luật đất đai_Land Law	APL201	3	LAL201	Luật đất đai_Land Law	APL201	3

	FTL201	Luật tài chính và thuế_Financial and Tax Law	CML201	3	FTL201	Luật tài chính và thuế_Financial and Tax Law	CML201	3
HK5	COR201	Luật doanh nghiệp_Corporate Law	CML201	3	ITL301	Luật thương mại quốc tế_International Trade Law	CML201	3
	MFL201	Luật hôn nhân và gia đình_Marriage and Family Law	CIL201	3	MFL201	Luật hôn nhân và gia đình_Marriage and Family Law	CIL201	3
	RWS301	Phương pháp nghiên cứu và kỹ năng viết pháp lý_Legal Research Methods and Writing Skills		3	RWS301	Phương pháp nghiên cứu và kỹ năng viết pháp lý_Legal Research Methods and Writing Skills		3
	ACL201	Pháp luật cộng đồng ASEAN_The Law of ASEAN Community	PIL201	2	ACL201	Pháp luật cộng đồng ASEAN_The Law of ASEAN Community	PIL201	2
	LDC201	Soạn thảo, xây dựng văn bản pháp lý và hợp đồng_Legal Drafting and Contract Construction		2	LDC201	Soạn thảo, xây dựng văn bản pháp lý và hợp đồng_Legal Drafting and Contract Construction		2
	SEL301	Luật chứng khoán_Securities Law	CIL201, CML201	3	IIL301	Luật đầu tư quốc tế_International Investment Law	ITL301	3
HK6	OLT202	Đào tạo trong môi trường thực tế_On-the-job training	90% total credits prior to the OJT term	10	OLT202	Đào tạo trong môi trường thực tế_On-the-job training	90% total credits prior to the OJT term	10

	LCE201	Định hướng các nghề luật và Đạo đức nghề luật_Legal Career Orientation and Legal Ethics		2	LCE201	Định hướng các nghề luật và Đạo đức nghề luật_Legal Career Orientation and Legal Ethics		2
HK7	IBL301	Luật kinh doanh bảo hiểm_Insurance Business Law	CML201	3	ICL301	Luật hợp đồng thương mại quốc tế_International Contract Law	ITL301	3
	IVL301	Luật đầu tư_Investment Law	FTL201	3	LIF301	Quy định về Logistics và vận tải quốc tế_The Regulations on Logistics and International Freight Forwarding	BLA_EL: CML201 BLA_IC: ITL301	3
	EL_COM*1	Học phần thứ 1 của combo*_Subject 1 of Combo*		3	IC_COM*1	Học phần thứ 1 của combo*_Subject 1 of Combo*		3
	EXE101	Trải nghiệm khởi nghiệp 1_Experiential Entrepreneurship 1		3	EXE101	Trải nghiệm khởi nghiệp 1_Experiential Entrepreneurship 1		3
	EL_COM*2	Học phần thứ 2 của combo*_Subject 2 of Combo*		3	IC_COM*2	Học phần thứ 2 của combo*_Subject 2 of Combo*		3
HK8	BCL301	Luật ngân hàng and các tổ chức tín dụng_Banking and Credit Institutions Law	CML201	3	DIT301	Giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế_Dispute Settlement in International Trade	ITL301	3
	IPL301	Luật sở hữu trí tuệ_Intellectual Property Law	CIL201	3	MAL301	Pháp luật về mua bán và sáp nhập_Law on Mergers and Acquisitions	CML201	

	EL_COM*3	Học phần thứ 3 của combo*_Subject 3 of Combo*		3	IC_COM*3	Học phần thứ 3 của combo*_Subject 3 of Combo*		3
	EXE201	Trải nghiệm khởi nghiệp 2_Experiential Entrepreneurship 2	EXE101	3	EXE201	Trải nghiệm khởi nghiệp 2_Experiential Entrepreneurship 2	EXE101	3
	MLN111	Triết học Mác - Lê-nin_Philosophy of Marxism – Leninism		3	MLN111	Triết học Mác - Lê-nin_Philosophy of Marxism – Leninism		3
	MLN122	Kinh tế chính trị Mác - Lê-nin_Political economics of Marxism – Leninism		3	MLN122	Kinh tế chính trị Mác - Lê-nin_Political economics of Marxism – Leninism		3
HK9	MLN131	Chủ nghĩa xã hội khoa học_Scientific socialism	MLN111, MLN122	3	MLN131	Chủ nghĩa xã hội khoa học_Scientific socialism	MLN111, MLN122	3
	HCM202	Tư tưởng Hồ Chí Minh_Ho Chi Minh Ideology	MLN111, MLN122	3	HCM202	Tư tưởng Hồ Chí Minh_Ho Chi Minh Ideology	MLN111, MLN122	3
	VNR202	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_History of the Communist Party of Vietnam	MLN111, MLN122	3	VNR202	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_History of the Communist Party of Vietnam	MLN111, MLN122	3
	BLA_GR A	Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật_Law Graduation Thesis Elective		10	BLA_GRA	Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật_Law Graduation Thesis Elective		10
	GRL490	Khóa luận tốt nghiệp Luật_Law Graduation Thesis	OLT202; 80% total credits		GLA490	Khóa luận tốt nghiệp Luật_Law Graduation Thesis	OLT202; 80% total credits	

	EXE401	Dự án khởi nghiệp tốt nghiệp_Graduation Thesis Startup Project	EXE201; OLT202; 80% total credits		EXE401	Dự án khởi nghiệp tốt nghiệp_Graduation Thesis Startup Project	EXE201; OLT202; 80% total credits	
CÁC COMBO TỰ CHỌN								
HK	BLA_EL			BLA_IC				
	Mã HP	Tên học phần	ĐKTQ	Mã HP	Tên học phần	ĐKTQ		
	EL_COM1: Định hướng Kinh tế số			IC_COM1: Hoạch định & chính sách trong thương mại quốc tế				
HK5	ECL301	Luật thương mại điện tử_E-Commerce Law	CML201	ITR301	Các biện pháp đảm bảo công bằng trong thương mại quốc tế_Trade Remedies in International Trade	ITL301		
HK7	CCP301	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng_Competition Law and Consumer Protection Law	CML201	NFT301	Các hiệp định thương mại tự do_Free Trade Agreements	PIL201		
HK7	DNL301	Giải quyết tranh chấp, đàm phán, tranh tụng_Dispute Resolution, Negotiation, and Litigation	CPL301, CML201, COL201	NCI301	Quy định điều chỉnh các vấn đề phi thương mại trong thương mại quốc tế_Regulations on Non-commercial Issues in International Trade	ITL301		
HK8	MAL301	Pháp luật về mua bán và sáp nhập_Law on Mergers and Acquisitions	CML201	IML301	Luật hàng hải và hàng không dân dụng quốc tế_International Maritime and Aviation Law	PIL201		

	EL_COM2: Định hướng thương mại quốc tế			IC_COM2: Giao dịch và tư vấn các hoạt động kinh doanh quốc tế		
HK5	ITL301	Luật thương mại quốc tế _International Trade Law	CML201	ITS301	Pháp luật quốc tế về thương mại dịch vụ _International Law on Trade in Services	ITL301
HK7	IPR301	Các nguyên tắc trong thanh toán quốc tế _Regulations on International Payments	BLA_EL: CML201 BLA_IC: LIF301	IPR301	Các nguyên tắc trong thanh toán quốc tế _Regulations on International Payments	BLA_EL: ML201 BLA_IC: LIF301
HK7	LIF301	Quy định về logistics và vận tải quốc tế _Regulations on Logistics and International Freight Forwarding	BLA_EL: CML201 BLA_IC: ITL301	ICA301	Luật trọng tài thương mại quốc tế _International Commercial Arbitration Law	DIT301
HK8	TRR301	Các biện pháp phòng vệ thương mại _Trade Remedies	BLA_EL: CML201201 BLA_IC: DIT301	TRR301	Các biện pháp phòng vệ thương mại _Trade Remedies	BLA_EL: ML201 BLA_IC: DIT301

II. Danh sách đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Luật

Số TT	Họ và tên	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)
1	Nguyễn Thuỳ Trang, 24/11/1978	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Luật học	Kinh nghiệm: 12/2018 đến nay - GV Thỉnh giảng Trường Đại học Luật Hà Nội - 7/2020 đến nay - GV Thỉnh giảng Học viện Tư pháp - 3/2021 đến nay - GV Thỉnh giảng Học viện Ngân hàng
2	Chữ Lan Phương, 09/09/1983	Tiến sĩ, Pháp, 2011	Luật	- 02/2017 đến nay: Giảng viên tại Viện Quản trị và Công nghệ FSB, Trường Đại học FPT

Số TT	Họ và tên	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)
3	Lê Thị Hồng Phượng, 09/06/1993	Tiến sĩ, Nga, 2023	Triết học	- 9/2015 - 11/2016: Hỗ trợ triển khai đề tài nghiên cứu khoa học, các hoạt động hội thảo khoa học và xuất bản sách của Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo đương đại, Trợ giảng môn Triết học Mác – Lênin tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn, ĐH Quốc gia Hà Nội - 11/2016 – 7/2023: Nghiên cứu sinh toàn thời gian tại Peoples' Friendship University of Russia - 09/2024 đến nay: Giảng viên Chính trị tại Trường Đại học FPT
4	Trần Hữu Hiệp, 06/05/1967	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế học	- 05/2021 đến nay: Giảng viên Luật tại Trường Đại học FPT

Số TT	Họ và tên	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)
5	Phạm Hồng Vân, 03/09/1978	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Ngôn ngữ học	- 01/09/2022 đến nay: Giảng viên Tiếng Anh tại Trường Đại học FPT
6	Cao Thùy Linh, 24/10/1991	Tiến sĩ, Đài Loan, 2022	Kinh doanh	- 05/2022 đến nay: Giảng viên Business tại Trường Đại học FPT
7	Lê Đức Thủy, 23/11/1982	Tiến sĩ, Pháp, 2013	Khoa học quản lý	- 10/2022 đến nay: Giảng viên Business tại Trường Đại học FPT
8	Vũ Tuấn Minh, 28/05/1970	Thạc sĩ, Bỉ, 1997	Luật quốc tế và Luật so sánh	- 05/2022 đến nay: Giảng viên Luật tại Trường Đại học FPT
9	Lê Thị Bích Phượng, 18/02/1995	Thạc sĩ, Hàn Quốc, 2019	Luật quốc tế	- 05/2024 đến nay: Giảng viên Luật tại Trường Đại học FPT

Số TT	Họ và tên	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)
10	Đoàn Thị Thùy Trang, 21/02/1986	Thạc sĩ, Hàn Quốc, 2011	Luật quốc tế	- 08/2011 đến nay: Giảng viên Luật tại Trường Đại học FPT
11	Tạ Thanh Hoa, 08/11/1989	Thạc sĩ, Úc, 2021	Chính sách công	- 12/2023 đến nay: Giảng viên Luật tại Trường Đại học FPT
12	Dương Phương Linh, 25/09/1993	Thạc sĩ, Việt Nam, 2020	Luật	-
13	Nguyễn Lộc Quý Dương, 12/08/1992	Thạc sĩ, Anh, 2021	Luật thương mại quốc tế	- 05/2022 đến nay: Giảng viên Business tại Trường Đại học FPT
14	Nguyễn Thị Vi Hằng, 26/03/1979	Thạc sĩ, Việt Nam, 2005	Luật Kinh tế	-

Số TT	Họ và tên	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)
15	Tô Hồng Dung, 30/05/1992	Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Luật	- 09/2015 – 09/2018: Giảng viên Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh - 09/2023 đến nay: Giảng viên Business tại Trường Đại học FPT
16	Đặng Hoàng Minh, 08/04/1991	Thạc sĩ, Anh, 2019	Luật kinh tế - quốc tế	- 09/2020 đến nay: Giảng viên Luật tại Trường Đại học FPT
17	Đinh Thị Mỹ Linh, 06/09/1984	Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Luật Kinh tế	- 07/2022 đến nay: Giảng viên Luật tại Trường Đại học FPT
18	Hồ Thị Kim Chi, 25/03/1997	Thạc sĩ, Việt Nam, 2023	Luật Kinh tế	

Số TT	Họ và tên	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)
19	Lâm Thị Hoàng Diễm, 08/05/1988	Thạc sĩ, Anh, 2017	Luật thương mại quốc tế	- 09/2022 đến nay: Giảng viên Luật Trường Đại học FPT
20	Lê Thị Kiều Hoa, 25/02/1996	Thạc sĩ, Việt Nam, 2021	Luật Kinh tế	-
21	Vũ Minh Châu, 05/7/1999	Thạc sĩ, Việt Nam, 2023	Luật	- 01/2024 đến nay: Giảng viên Business Trường Đại học FPT
22	Bùi Thu Trang, 10/02/1982	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật	
23	Hà Văn Hiệp, 04/01/1995	Thạc sĩ, Việt Nam, 2023	Giáo dục học	- 05/2022 đến nay: Giảng viên Giáo dục thể chất Trường Đại học FPT

Số TT	Họ và tên	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)
24	Vũ Thế Điệp, 17/06/1985	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Giáo dục học	- 11/2021 đến nay: Giảng viên Giáo dục thể chất Trường Đại học FPT
25	Đỗ Thị Thu Hà, 30/10/1992	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	LL&PP GD Giáo dục Chính trị	- 05/2023 đến nay: Giảng viên Chính trị Trường Đại học FPT
26	Trương Thu Thủy, 05/11/1993	Thạc sĩ, Ấn Độ, 2017	Công tác xã hội	- 05/2022 đến nay: Giảng viên Kỹ năng mềm Trường Đại học FPT
27	Trần Thị Huyền Trang, 18/12/1991	Thạc sĩ, Việt Nam, 1900	Sư phạm âm nhạc	- 11/2020 đến nay: Giảng viên Âm nhạc Trường Đại học FPT
28	Trần Thị Bích Hồng, 21/01/1987	Thạc sĩ, Việt Nam, 2022	LL&PP dạy học Âm nhạc	- 12/2021 đến nay: Giảng viên Âm nhạc Trường Đại học FPT

Số TT	Họ và tên	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)
29	Nguyễn Thị Ánh Ngọc, 29/05/1985	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Ngoại ngữ - Tiếng Trung	- 09/2020 đến nay: Giảng viên Tiếng Trung Trường Đại học FPT
30	Nguyễn Thị Hoa, 13/06/1981	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	LL&PP giảng dạy tiếng Trung	- 01/2024 đến nay: Giảng viên Tiếng Trung Trường Đại học FPT
31	Nguyễn Thị Thanh Huyền, 30/10/1990	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh doanh và quản lý	- 05/2022 đến nay: Giảng viên Kỹ năng mềm Trường Đại học FPT

III. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; dự kiến kế hoạch tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh

1. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành Luật

ST T	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng(m2)	Ghi chú
A. Cơ sở Hà Nội				
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	512	48354.78	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	500	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	15	1982	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	460	36945.78	
1.5	Số phòng học đa phương tiện			
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	36	8927	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	4	2801	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	27	14114.12	
4	Phòng diễn án	1	50	

ST T	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng(m2)	Ghi chú
B. Cơ sở Hồ Chí Minh				
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	255	19216	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	642	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	7	964	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	225	14281	
1.5	Số phòng học đa phương tiện			
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	21	3,329	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	3	3,606	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	19	4,078	
C. Cơ sở Đà Nẵng				
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	286	17641.8	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	871	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	3	378	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	227	11,936.5	
1.5	Số phòng học đa phương tiện			
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	54	4,456.3	

ST T	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng(m2)	Ghi chú
2	Thư viện, trung tâm học liệu	3	777	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	12	4,940	
D. Cơ sở Cần Thơ				
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	150	13849	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3	1,538	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	3	360	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	122	7,091	
1.5	Số phòng học đa phương tiện			
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	22	4,860	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	2	1,234	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	11	7,155	
E. Cơ sở Bình Định				
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	79	5193.7	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	450.8	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	75	4,318.9	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ			

ST T	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng(m2)	Ghi chú
1.5	Số phòng học đa phương tiện			
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	3	424	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	383	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	2	5,458	

2. Dự kiến kế hoạch tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh

Năm	2025	2026	2027	2028	2029
Số lượng dự kiến	500	600	700	800	900

IV. Địa điểm đào tạo và danh sách các địa điểm thực hành, thực tập

1. Địa điểm đào tạo

Trường Đại học FPT dự kiến đào tạo ngành Luật tại tất cả các phân hiệu:

Hà Nội: Khu Giáo dục và Đào tạo – Khu Công nghệ cao Hòa Lạc – Km29 Đại lộ Thăng Long, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

Hồ Chí Minh: Lô E2a-7, Đường D1 Khu Công nghệ cao, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Đà Nẵng: Khu đô thị công nghệ FPT Đà Nẵng, P. Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

Cần Thơ: Số 600 Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), P. An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Quy Nhơn: Khu đô thị mới An Phú Thịnh, Phường Nhơn Bình & Phường Đống Đa, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định.

2. Danh sách dự kiến các địa điểm thực hành/thực tập

Trường Đại học FPT đã ký kết MoU/MoA với khoảng 300 Doanh nghiệp/Tổ chức/Công ty để tạo điều kiện cho sinh viên các ngành có thể thực hành/thực tập. Dưới đây là danh sách một số đối tác mà sinh viên ngành Luật có thể tham gia thực hành/thực tập:

Danh sách địa điểm dự kiến thực hành/thực tập của ngành Luật

TT	Tên công ty	Địa chỉ công ty
1	FPT Software	Khu CNC Hoà Lạc
2	Cổ phần VTC dịch vụ di động	Tầng 11, Tòa nhà VTC - 18 Tam Trinh, Hai Bà Trưng, Hà Nội
3	Công ty cổ phần Clever Group	Five Star Garden, Tầng 3 Nhà G1, Khu TTTM Tòa Nhà, Số 2 Đ. Kim Giang, Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội 100000
4	Công ty Cổ phần công nghệ Sapo	số 266, tòa Ladeco, Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
5	Công ty Cổ phần Đầu tư HBR Holdings	Cơ sở: 169 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
6	Công ty Cổ phần Giáo dục và Thương mại Riki Việt Nam	40 Hàm Nghi, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội
7	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hào Nam - Hào Nam Group	Tầng 3, TNR Gold Silk, 430 Cầu Am, Hà Đông, Hà Nội.
8	Công ty cổ phần Tập đoàn HVN	Lô TT02-15, Ngõ 2 Hàm Nghi, KĐT HD Mon City, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội
9	Công ty cổ phần thương mại công nghệ thông tin di động (CONEK GROUP)	Tầng 9, Tòa nhà Hội Nhà báo Việt Nam- Đường Dương Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy
10	Công ty Cổ phần VCCorp	Tầng 21 tòa Hapulico, số 83 Đ. Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
11	Công ty Hệ thống Thông tin FPT (FPT Information System - FPT IS)	10 Phạm Văn Bạch, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
12	Công ty TNHH Phần mềm FPT Miền Trung	Tòa nhà FPT Complex, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

TT	Tên công ty	Địa chỉ công ty
13	Công Ty TNHH Digital Works Vietnam	Tầng 8, Tòa nhà VN Đà Thành, 105 Lê Lợi, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
14	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ BAP	180-182-184 Nguyễn Tri Phương, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
15	Công Ty TNHH Miracle Research	Tầng 7, 103 Lê Sát, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
16	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Đà Nẵng	271 Đ. Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Trung, Thanh Khê, Đà Nẵng
17	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Đà Nẵng (VCB Nam Đà Nẵng)	142 Lê Lợi, Thạch Thang, Hải Châu, Đà Nẵng
18	Công Ty Cổ Phần Logistics Cảng Đà Nẵng	97 Yết Kiêu, Thọ Quang, Sơn Trà, Đà Nẵng
19	Công Ty Cp Dệt May 29-3 (HACHIBA)	60 Mẹ Nhu, Thanh Khê Tây, Thanh Khê, Đà Nẵng
20	Công Ty TNHH Daiwa Việt Nam	249 Ng. Quyền, An Hải Bắc, Sơn Trà, Đà Nẵng
21	Công Ty TNHH Mabuchi Motor Đà Nẵng	Lô A2 Đường số 3, KCN Hòa Khánh P, Liên Chiểu, Đà Nẵng
22	Công Ty TNHH Kim Sora	Tp, Lô 27A1, Nguyễn Sinh Sắc, P, Liên Chiểu, Đà Nẵng
23	Công Ty TNHH Kane-m Đà Nẵng	Lầu 3A, 316, Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường 14, Quận 3, Hồ Chí Minh
24	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ Đầu tư Đà Nẵng (IPA Đà Nẵng)	24 Trần Phú, Thạch Thang, Hải Châu, Đà Nẵng
26	Công Ty Cổ Phần Tc Group Việt Nam	239 Nguyễn Hữu Thọ, Hoà Cường Bắc, Hải Châu, Đà Nẵng
27	Công ty CP XNK Thủy Sản Cần Thơ (Caseamex)	Lô 2-12, KCN Trà Nóc II, Quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ.